

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG ANA
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/HS-ST

Ngày 15/8/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Đoàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Kim Quy;
2. Ông Nguyễn Quang Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 18/2019/TLST-HS ngày 08 tháng 7 năm 2019; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 8 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Phan Hoàng Gia P**; Tên gọi khác: Y; Sinh ngày 27/8/2000 tại: huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn H1, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông: Phan Văn T1, sinh năm 1968; Con bà: Phạm Thị Trà M1, sinh năm 1975; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/3/2019 hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

2. Họ và tên: **Dương Nghĩa N**; Tên gọi khác: U; Sinh ngày 18/01/2000, tại: huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn H2, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Làm nông;

Con ông: Dương Nghĩa T2, sinh năm 1950; Con bà: Trần Thị M2, sinh năm 1953; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 23/3/2019 hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

3. Họ và tên: **Nguyễn Văn T**; Tên gọi khác: X; Sinh ngày 12/8/2000, tại: huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Q1, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông: Nguyễn Văn D, sinh năm 1970; Con bà: Đặng Thị P2 (đã chết); Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền sự: Ngày 31/01/2019 bị Toà án nhân dân huyện Krông Ana ra Quyết định số 01/2019/QĐ-TA về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 24 tháng, đến ngày 12/4/2019 đưa ra khỏi cơ sở cai nghiện đề tạm giam. Tiền án: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 12/4/2019 hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

4. Họ và tên: **Phan Thanh B**; Tên gọi khác: U; Sinh ngày: 01/11/2000, tại: huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn H3, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông: Phan Thanh V, sinh năm 1968; Con bà: Nguyễn Thị H4, sinh năm 1968; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giam từ ngày 19/3/2019 hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

5. Họ và tên: **Đỗ Tấn L**; Tên gọi khác: C; Sinh ngày 18/12/1999, tại: huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn H2, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông: Đỗ Văn Đ, sinh năm 1976; Con bà: Dương Thị Mỹ P3, sinh năm 1978; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/3/2019 đến ngày 27/3/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lãnh, hiện đang tại ngoại (Có mặt).

*** Người bị hại:**

1. Chị Nguyễn Thị Sao M, sinh năm 1987; Trú tại: 02 X, tổ dân phố 6, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

2. Chị Hà Thị L1, sinh năm 1979; Trú tại: Thôn 1, xã A, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

3. Bà Đinh Thị H, sinh năm 1958; Trú tại: Thôn Q2, thị trấn B, huyện K tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Dương Nghĩa T2, sinh năm 1950; Trú tại: Thôn H2, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

2. Ông Phan Thanh V, sinh năm 1968; Trú tại: Thôn H3, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

3. Anh Trần Văn T3, sinh ngày 14/10/2003; Trú tại: Thôn H2, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

Người đại diện hợp pháp cho anh Trần Văn T3 và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần H5, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1971 (Là cha mẹ của anh T3); Trú tại: Thôn H2, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

4. Anh Hồ Công Đức D2, sinh năm 2001; Trú tại: Buôn K, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 05/3/2019 Đỗ Tấn L, Phan Thanh B, Phan Hoàng Gia P và Trần Văn T3 (sinh ngày 14/10/2003) đang chơi game tại quán internet X1, ở thôn H3, xã E, huyện K thì có Dương Nghĩa N đến rủ L, T3, B và P đi vào thị trấn B, huyện K bắt trộm mèo thì tất cả đồng ý. P điều khiển xe mô tô 47P4-1614 chở T3, còn L điều khiển xe mô tô 47L1- 263.97 chở N và B tới khu vực hoa viên, thị trấn B. Tại đây, N rủ mọi người đến dây nhà trọ phía sau trường THPT G tìm nhà nào sơ hở tài sản để trộm cắp, thì cả nhóm đồng ý. Do xe của P và T3 gần hết xăng nên N nói T3 và P ở hoa viên chờ, còn L chở N và B đi đến khu vực dây trọ thì phát hiện cửa sổ (có song sắt) nhà chị Nguyễn Thị Sao M, ở số nhà 02 X, thị trấn B không đóng nên N và B chui vào nhưng không được, nên N nói L và B chạy xe ra hoa viên chở T3. Khi T3 đến, N dùng tay kéo giãn song cửa sổ để T3 chui vào nhà chị M. Khi vào trong nhà, T3 đã lén lút trộm cắp 01 chiếc Laptop nhãn hiệu Dell core i5 cùng với cục sạc của máy. Sau khi lấy được tài sản, T3 chui qua cửa sổ đưa tài sản trộm cắp cho L và B mang Laptop ra hoa viên đưa cho P cất giấu vào ba lô. Sau đó P, B và L quay lại dây nhà trọ đón N và T đi về xã E, huyện K. Đến khoảng 18 giờ ngày 06/3/2019, P, B, T3 và Hồ Công Đức D2 (là bạn của P1 và T3) mang Laptop lên thành phố O bán cho tiệm điện thoại OPPO N (Đường Y, thành phố O) được 900.000 đồng, chia nhau tiêu xài cá nhân hết. Ngày 19/3/2019 Đỗ Tấn L ra đầu thú, ngày 23/3/2019 Dương Nghĩa N ra đầu thú tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Ana.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 14/KLĐG ngày 13/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện K, kết luận: Chiếc Laptop nhãn hiệu Dell Core i5, màu đen mua tháng 7/2016, trị giá là 2.820.000 đồng.

Quá trình điều tra, chị Nguyễn Thị Sao M yêu cầu Dương Nghĩa N, Đỗ Tấn L, Phan Thanh B, Phan Hoàng Gia P và Trần Văn T, phải bồi thường số tiền: 2.820.000 đồng (trị giá chiếc Laptop, nhãn hiệu Dell core i5).

Quá trình điều tra các bị cáo Phan Hoàng Gia P, Dương Nghĩa N, Phan Thanh B còn khai nhận cùng đồng bọn từ tháng 04/2018 đến ngày 02/3/2019, thực hiện một số vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện K. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng tháng 4/2018 (không rõ ngày cụ thể), Phan Hoàng Gia P, Dương Nghĩa N và Phan Thanh B chơi game ở quán internet X1, tại thôn H3, xã E, huyện K. Đến khoảng 02 giờ sáng, N rủ P và B đi trộm cắp tài sản, P và B đồng ý. N điều khiển xe mô tô 47H3-4344 (xe của ông Dương Nghĩa T2 là bố đẻ của N) chở B và P đi vào thị trấn B, huyện K tìm nhà dân sơ hở để trộm cắp tài sản. Khi đi đến nhà ông Phạm Văn C1, thuộc tổ dân phố 6, thị trấn B, N dừng xe cùng với P trèo qua tường đột nhập vào nhà, còn B đứng ở ngoài canh giới. Vào nhà ông C1, P lục túi quần treo ở trên ghế lấy được một chiếc ví rồi đi ra ngoài, còn N không tìm thấy tài sản. Sau đó, P, N và B kiểm tra thấy có số tiền 1.900.000 đồng và một số giấy tờ tùy thân, gồm 02 CMND của vợ chồng, 02 giấy đăng ký xe máy, 01 bằng lái xe máy, 04 thẻ bảo hiểm y tế. N chia đều cho P và B mỗi người 600.000 đồng, còn chiếc ví cùng với giấy tờ vứt ở dọc đường, không biết rõ nơi vứt.

Vụ thứ hai: Khoảng đầu tháng 5/2018 (không rõ ngày cụ thể), Dương Nghĩa N rủ Phan Thanh B đi vào thôn Q, thị trấn B, huyện K trộm cắp tài sản thì B đồng ý. B điều khiển xe Wave màu xanh đen (xe này N mua của một người tại thôn QN, xã E1 và đã bán lại cho một người tại thành phố O, N không nhớ được biển kiểm soát của xe và cũng không biết được tên, tuổi của người bán và người mua) chở N vào thị trấn B, khi đi qua nhà bà Trương Thị N1 ở thôn Q3, thị trấn B, N phát hiện nhà bà N1 không đóng cửa nên N nói B dừng xe lại đứng ở ngoài canh giới, còn N leo qua tường để đột nhập vào nhà bà N1. Khi vào trong nhà, N lục lọi đồ đạc trong phòng và thấy 01 chiếc điện thoại cảm ứng, nhãn hiệu OPPO, màu bạc đồng để trên bàn, N lấy trộm điện thoại rồi trèo ra ngoài, cùng B đi về. Sau đó Dương Nghĩa N và Phan Thanh B mang điện thoại đi cầm tại tiệm cầm đồ ở địa chỉ 106 Y, thành phố O, tỉnh Đắk Lắk được số tiền 700.000 đồng và cùng nhau tiêu xài cá nhân.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 14/KLĐG ngày 13/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện K kết luận: Giá trị tài sản của chiếc điện thoại di động màu bạc, nhãn hiệu OPPO mua năm 2016 là 600.000 đồng.

Vụ thứ ba: Khoảng tháng 10/2018 (không rõ ngày cụ thể) Phan Hoàng Gia P điều khiển xe mô tô 47P7-2251 (xe P mượn của Dương Nghĩa N) đến quán Internet K1, tại thôn Q2, thị trấn B, huyện K rủ Nguyễn Văn T vào xã A, huyện K trộm cắp tài sản thì T đồng ý. T điều khiển xe mô tô 47P7- 2251 chở P đi vào xã A theo hướng ngã ba Q, khi đi qua nhà chị Hà Thị L1, ở thôn 1, xã A, thấy không có ai ở nhà nên P bảo T dừng xe lại, nói T đứng ở ngoài canh giới, còn P lén lút đột nhập vào nhà chị L1 và lấy được số tiền 7.000.000 đồng để ở trong tủ nhôm nhà chị L1. Sau khi lấy được tài sản, P chia cho T số tiền 3.000.000 đồng, cả hai tiêu xài cá nhân.

Quá trình điều tra bà Hà Thị L1, yêu cầu Phan Hoàng Gia P, Nguyễn Văn T phải bồi thường số tiền: 7.000.000 đồng.

Vụ thứ bốn: Khoảng tháng 11/2018 (không rõ ngày cụ thể), Phan Hoàng Gia P điều khiển xe mô tô (xe của Nguyễn Văn D1, chưa xác định được nguồn gốc xe) cùng Nguyễn Văn D1 và Nguyễn Văn T1 đi từ thôn 10/3, xã E, huyện K về thôn H2, xã E. Khi đi ngang qua nhà anh Lê Ngọc G1 thuộc thôn 10/3, xã E thì T phát hiện thấy 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu DUCAL, màu nâu biển kiểm soát 47H6- 5042 (xe của anh Đào Văn T5, người quen của anh G1) dựng trong sân nhà không có người trông coi. T và P đứng ngoài cánh giới, còn D1 đi bộ vào sân lén lút lấy trộm xe rồi nổ máy chạy xe về nhà của D1 cất giấu. Khoảng 04 đến 05 ngày sau, D1, T và P tự sơn lại chiếc xe này thành màu đỏ. D1 bán lại chiếc xe trên cho một người bạn của D1, ở thôn Q3, thị trấn B (không xác định được nhân thân, lai lịch) với số tiền 1.300.000 đồng. T đưa cho P 800.000 đồng, còn 500.000 đồng D1 và T sử dụng tiêu xài cá nhân.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 17/KLĐG ngày 26/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện K kết luận: Giá trị của chiếc xe mô tô 47H6- 5042 là 1.500.000 đồng.

Vụ thứ năm: Khoảng 23 giờ ngày 17/01/2019, Dương Nghĩa N và Trần Văn T3 (sinh ngày 14/10/2003) đang chơi game tại quán internet X1 (thôn H3, xã E, huyện K) thì N rủ T3 đi vào thị trấn B, huyện K bắt trộm mèo thì T3 đồng ý. Sau đó, N điều khiển xe mô tô 47L1-263.97 (xe của ông Dương Nghĩa T2) chở T3. Khi đi đến thôn Q2, thị trấn B, N nhìn thấy nhà bà Đinh Thị H không đóng cửa nên N dừng xe lại, đứng ở ngoài cánh giới, còn T3 đột nhập vào trong nhà bà H lén lút trộm cắp số tiền 7.120.000 đồng, sau đó chia cho N 3.120.000 đồng, còn T3 4.000.000 đồng tiêu xài cá nhân.

Quá trình điều tra gia đình Dương Nghĩa N và Trần Văn T3 đã bồi thường cho bà Đinh Thị H 7.120.000 đồng. Bà H đã viết đơn bãi nại không yêu cầu xử lý về pháp luật và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Vụ thứ sáu: Khoảng 23 giờ ngày 15/02/2019, Trần Văn T3 đi bộ từ nhà ở thôn H2, xã E, huyện K sang nhà anh Trần Quốc M3, ở gần nhà T3. Phát hiện cửa chính nhà anh M3 không khóa, T3 dùng tay mở cửa đi vào nhà. Lúc này anh M3 đang ngủ và để điện thoại cảm ứng, nhãn hiệu Sam Sung A5 trên tấm nệm, T3 lén lút lấy trộm chiếc điện thoại rồi về nhà. Ngày 16/02/2019, T3 mang chiếc điện thoại lấy trộm được ra tiệm điện thoại S tại đường A1, trấn B, huyện K, bán được số tiền 2.000.000 đồng. Số tiền này T3 đã sử dụng hết vào việc cá nhân.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 14/KLĐG ngày 13/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện K kết luận: Giá trị tài sản của chiếc điện thoại di động Sam Sung A5 là 1.500.000 đồng.

Vụ thứ bảy: Khoảng 01 giờ ngày 02/3/2019, Phan Hoàng Gia P đang chơi game tại quán internet X1, ở thôn H2, xã E, huyện K thì nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của anh Phạm Bá V1, ở thôn TC, xã E1, huyện K. P đã mượn xe mô tô của một người trong quán (không xác định được nhân thân, lai lịch) rồi P chạy đến nhà anh V1. Đến nhà anh Phạm Bá V1, P thấy trước thềm nhà có 01 đôi dép kiểu dép bánh

mì, nhãn hiệu ADIDAS màu xanh-trắng nên P đã leo qua tường rào vào bên trong lấy trộm đôi dép, rồi về lại quán internet để trả xe. Ngày hôm sau, P bán lại đôi dép trên cho Trần Ngọc P4, anh P không biết được là tài sản trộm cắp nên đã mua với số tiền 400.000 đồng. Số tiền bán được tài sản bị cáo Phan Hoàng Gia P đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 18/KLĐG ngày 04/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện K kết luận: Giá trị của đôi dép kiểu dép bánh mì, nhãn hiệu ADIDAS là 1.200.000 đồng.

Về vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Ana đã tổ chức truy tìm vật chứng trong vụ trộm cắp Laptop, trộm cắp xe máy biển kiểm soát 47H6-5042, trộm cắp ví da, trộm cắp điện thoại OPPO, trộm cắp đôi dép ADIDAS và vụ trộm cắp điện thoại Sam Sung A5 nhưng do các bị cáo không nhớ rõ nơi tiêu thụ và nơi vứt bỏ đồ vật nên không tìm được và không thu hồi được.

Trong bảy vụ trộm cắp tài sản nêu trên mà các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khai ra, thì trong đó có 05 vụ chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự, gồm các vụ thứ 1, 2, 4, 6, 7 do Dương Nghĩa N, Phan Hoàng Gia P, Nguyễn Văn T, Phan Thanh B, Nguyễn Văn D1 và Trần Văn T3 gây ra. Ngày 10/6/2019, Công an huyện Krông Ana đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với N, P, T, B, D1 về hành vi trộm cắp tài sản, bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng.

Đối với Trần Văn T3 tham gia 03 vụ trộm cắp tài sản. Tại thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản thì T3 chưa đủ 16 tuổi nên chưa phải chịu trách nhiệm hình sự về tội trộm cắp tài sản. Do đó ngày 10/6/2019, Công an huyện Krông Ana đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức: Cảnh cáo.

Tại bản Cáo trạng số 19/CT-VKS-HS ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana đã truy tố các bị cáo Phan Hoàng Gia P, Dương Nghĩa N, Nguyễn Văn T, Phan Thanh B, Đỗ Tấn L về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Kết quả xét hỏi công khai tại phiên tòa, các bị cáo Phan Hoàng Gia P, Dương Nghĩa N, Nguyễn Văn T, Phan Thanh B, Đỗ Tấn L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng và thừa nhận Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana truy tố các bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng hành vi phạm tội của các bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Phan Hoàng Gia P, Dương Nghĩa N, Nguyễn Văn T, Phan Thanh B, Đỗ Tấn L theo bản Cáo trạng số: 19/CT-VKS-HS ngày 05 tháng 7 năm 2019 và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Phan Hoàng Gia P, Dương Nghĩa N, Nguyễn Văn T, Phan Thanh B, Đỗ Tấn L phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điểm b, h, r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Phan Hoàng Gia P mức án từ 15 đến 18 tháng tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Dương Nghĩa N, mức án từ 12 đến 15 tháng tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Văn T, mức án từ 09 đến 12 tháng tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Phan Thanh B, mức án từ 06 đến 09 tháng tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Đỗ Tấn L 06 đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

* Các biện pháp tư pháp: Căn cứ vào các Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Buộc các bị cáo Dương Nghĩa N, Đỗ Tấn L, Phan Thanh B, Phan Hoàng Gia P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Văn T3 phải bồi thường số tiền: 2.820.000 đồng (trị giá chiếc Laptop, nhãn hiệu Dell core i5), được khấu trừ vào số tiền Phan Thanh B đã bồi thường 600.000 đồng, Đỗ Tấn L đã bồi thường 600.000 đồng, Trần Văn T3 và gia đình bồi thường 600.000 đồng. Các bị cáo phải bồi thường tiếp trị giá tài sản bị thiệt hại còn lại là 1.020.000 đồng.

- Buộc các bị cáo Phan Hoàng Gia P, Nguyễn Văn T phải liên đới bồi thường cho chị Hà Thị L1, số tiền: 7.000.000 đồng.

Các bị cáo Phan Hoàng Gia P, Dương Nghĩa N, Nguyễn Văn T, Phan Thanh B, Đỗ Tấn L không tranh luận, bào chữa gì thêm, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Lời khai nhận của các bị cáo Phan Hoàng Gia P, Dương Nghĩa N, Nguyễn Văn T, Phan Thanh B, Đỗ Tấn L tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Hành vi của bị cáo Dương Nghĩa N thực hiện 02 vụ trộm cắp với tổng trị giá tài sản là 9.940.000 đồng, bị cáo Phan Hoàng Gia P thực hiện 02 vụ trộm cắp với tổng trị giá tài sản là 9.820.000 đồng, bị cáo Nguyễn Văn T thực hiện 01 vụ trộm cắp với trị giá tài sản là 7.000.000 đồng, bị cáo Phan Thanh B thực hiện 01 vụ trộm cắp với trị giá tài sản là 2.820.000 đồng, bị cáo Đỗ Tấn L thực hiện 01 vụ trộm cắp với trị giá tài sản là 2.820.000 đồng.

Do đó, có đủ cơ sở pháp lý kết luận hành vi của các bị cáo Phan Hoàng Gia P, Dương Nghĩa N, Nguyễn Văn T, Phan Thanh B, Đỗ Tấn L đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[2]. Xét tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm bất hợp pháp đối với quyền sở hữu về tài sản của người bị hại, đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội. Các bị cáo là công dân có đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của bản thân trong cuộc sống, các bị cáo phải biết được rằng tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm trái pháp luật đều bị pháp luật trừng trị nghiêm khắc. Song do ý thức coi thường pháp luật, tham lam tư lợi nên các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội, do vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi mà các bị cáo gây ra.

Trong vụ án này có nhiều bị cáo cùng tham gia thực hiện tội phạm. Tuy nhiên tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo khác nhau nên cần phân hóa để áp dụng mức hình phạt cho phù hợp.

[3]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:

Đối với Phan Hoàng Gia P, Dương Nghĩa N, các bị cáo với vai trò là người chủ mưu, khởi xướng, giúp sức rủ rê các bị cáo khác cùng thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo P thực hiện 05 vụ trộm cắp (trong đó có 03 vụ chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự), bị cáo N thực hiện 04 vụ trộm cắp (trong đó có 02 vụ chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự), nên các bị cáo N, P phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội nhiều lần*” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Trị giá tài sản trộm cắp lớn hơn các bị cáo khác, sau khi trộm cắp các bị cáo đều được hưởng lợi từ tiền trộm cắp và tiền thu lợi bất chính. Do đó mức hình phạt đối với bị cáo N, P phải cao hơn các bị cáo T, B và L.

Đối với Nguyễn Văn T, khi được bị cáo P khởi xướng, rủ đi trộm cắp tiền thì bị cáo cũng đồng ý tiếp nhận và thực hiện hành vi một cách tích cực. Bị cáo thực hiện

02 vụ trộm cắp (trong đó có 01 vụ chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự). Trị giá tài sản trộm cắp lớn hơn các bị cáo B, L, sau khi trộm cắp bị cáo đều được hưởng lợi từ tiền trộm cắp và tiền thu lợi bất chính. Do đó, mức hình phạt đối với bị cáo thấp hơn các bị cáo N, P và cao hơn các bị cáo B, L.

Đối với Phan Thanh B với vai trò đồng phạm là người giúp sức cùng bị cáo khác thực hiện 03 vụ trộm cắp (trong đó có 02 vụ chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự), sau khi trộm cắp bị cáo đều được hưởng lợi từ tiền trộm cắp và tiền thu lợi bất chính. Do đó, mức hình phạt đối với bị cáo cần nghiêm khắc hơn bị cáo L.

Đối với Đỗ Tấn L với vai trò đồng phạm giúp sức thực hiện 01 vụ trộm cắp, cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Trong quá trình điều tra và tại phiên toà hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo T, B, L phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo P, N đã tự nguyện khắc phục một phần hậu quả; bị cáo B và L đã bồi thường xong; bị cáo N được người bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo P sau khi phạm tội đã tự thú trong vụ trộm cắp tài sản nhà chị Hà Thị L1 vào tháng 10/2018; bị cáo L không hưởng lợi từ tiền thu lợi bất chính; bị cáo N và L sau khi phạm tội đã ra đầu thú. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, h, i, r, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xem xét áp dụng khi quyết định hình phạt đối với từng bị cáo nhằm thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật Nhà nước.

Với tính chất và hành vi phạm tội của các bị cáo như đã nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, cần thiết phải cách ly các bị cáo Phan Hoàng Gia P, Dương Nghĩa N, Nguyễn Văn T, Phan Thanh B ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định thì mới phát huy tác dụng cải tạo, giáo dục riêng đối với từng bị cáo và góp phần răn đe phòng ngừa tội phạm chung trong toàn xã hội.

Đối với bị cáo Đỗ Tấn L là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. HĐXX cần áp dụng khoản 1, 2 Điều 65 BLHS, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, mà áp dụng chế định miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện, cho bị cáo hưởng án treo và ấn định một thời gian thử thách, cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người tốt, có ích cho xã hội.

[4]. Đối với Trần Văn T3 tham gia 03 vụ trộm cắp tài sản. Tại thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản thì T3 chưa đủ 16 tuổi nên chưa phải chịu trách nhiệm hình sự về tội trộm cắp tài sản. Do đó ngày 10/6/2019 Công an huyện Krông Ana đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức: Cảnh cáo là phù hợp.

Trong bảy vụ trộm cắp tài sản nêu trên, thì trong đó có 05 vụ chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, gồm các vụ thứ 1, 2, 4, 6, 7 do Dương Nghĩa N, Phan Hoàng Gia P, Nguyễn Văn T, Phan Thanh B, Nguyễn Văn D1 và Trần Văn T3 gây ra. Ngày 10/6/2019, Công an huyện Krông Ana đã ra quyết định xử phạt vi phạm

hành chính đối với N, P, T, B, D1 về hành vi trộm cắp tài sản, bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng là phù hợp.

Đối với anh Hồ Công Đức D2 đã có hành vi cùng với Trần Văn T6, Phan Thanh B và Phan Hoàng Gia P lên thành phố O tiêu thụ chiếc Laptop được số tiền 900.000 đồng và cùng nhau sử dụng ma túy đã hết. Khi đi bán tài sản thì P, B và T3 không nói rõ cho anh D2 biết tài sản đó là do phạm tội mà có nên không đề cập xử lý đối với anh D2 là phù hợp.

Đối với anh Trần Ngọc D3 làm nghề kinh doanh, mua bán, sửa chữa điện tử, hằng ngày có nhiều khách hàng tới mua bán nên anh D3 không nhớ đã mua tài sản nào có đặc điểm chiếc Laptop màu đen, nhãn hiệu Dell Core i5. Do vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Ana không đề cập xử lý là phù hợp.

[5]. Đối với chiếc xe máy Winner màu đen, nhãn hiệu Honda mang biển kiểm soát 47L1-263.97 và chiếc xe máy Dream màu nâu, nhãn hiệu JiuLong, mang biển kiểm soát 47H3-4344 do ông Dương Nghĩa T2 là chủ sở hữu, ông T2 cho Dương Nghĩa N (là con đẻ ông T2) mượn xe, ông T2 không biết N sử dụng chiếc xe trên vào mục đích đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Ana không xử lý đối với hai chiếc xe trên là phù hợp.

Đối với chiếc xe máy màu nâu, nhãn hiệu Lifan, mang biển kiểm soát 47P4-1614 do ông Phan Thanh V là chủ sở hữu, ông V cho Phan Thanh B (là con đẻ ông V) mượn xe, ông V không biết B sử dụng chiếc xe trên vào mục đích đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Ana không xử lý đối với chiếc xe trên là phù hợp.

Đối với chiếc xe máy màu đen, mang biển kiểm soát 47P7-2251 do Dương Nghĩa N là chủ sở hữu và N cho Phan Hoàng Gia P mượn xe, không biết P sử dụng chiếc xe trên vào mục đích đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Ana không xử lý đối với chiếc xe trên là phù hợp.

Đối với chiếc xe Wave màu xanh đen mà N và B sử dụng làm phương tiện để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại thôn Q3, thị trấn B. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Ana xác định chiếc xe trên là N mua lại của một người tại thôn QN, xã E1 (N không xác định được danh tính của người này) và chiếc xe trên N đã bán lại cho một người trên thành phố O (N không xác định được danh tính) nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Ana không có căn cứ để xử lý đối với chiếc xe trên là phù hợp.

[6]. Các biện pháp tư pháp:

Về trách nhiệm dân sự: Đối với 05 vụ trộm cắp tài sản mà các bị cáo Dương Nghĩa N, Phan Hoàng Gia P, Nguyễn Văn T, Phan Thanh B, Nguyễn Văn D1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Văn T3 gây ra, gồm: Vụ trộm cắp 1.900.000 đồng của ông Phạm Văn C1 vào tháng 4/2018; Vụ trộm cắp 01 chiếc điện thoại cảm ứng, nhãn hiệu OPPO của bà Trương Thị N1, trị giá 600.000 đồng vào đầu tháng 5/2018; Vụ trộm cắp 01 chiếc xe mô tô 47H6- 5042 của anh Đào Văn T5, trị giá

chiếc xe là 1.500.000 đồng vào tháng 11/2018; Vụ trộm cắp 01 chiếc điện thoại cảm ứng, nhãn hiệu Sam Sung A5 của anh Trần Quốc M3, trị giá 1.500.000 đồng vào ngày 15/02/2019; Vụ trộm cắp 01 đôi dép kiêu dép bánh mì, nhãn hiệu ADIDAS màu xanh-trắng của anh Phạm Bá V1, trị giá là 1.200.000 đồng vào ngày 02/3/2019; đã được Công an huyện Krông Ana ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với N, P, T, B, D1, T3 về hành vi trộm cắp tài sản. Do các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chịu trách nhiệm hành chính đối với các vụ trộm cắp tài sản này, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết mà chỉ xem xét giải quyết về trách nhiệm dân sự đối với các vụ trộm cắp tài sản mà các bị cáo bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Căn cứ vào các Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự. Điều 585, Điều 586, Điều 587 và Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Quá trình điều tra chị Nguyễn Thị Sao M yêu cầu bồi thường số tiền 2.820.000 đồng (trị giá chiếc Laptop, nhãn hiệu Dell core i5). Xét thấy hành vi phạm tội của các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Dương Nghĩa N, Đỗ Tấn L, Phan Thanh B, Phan Hoàng Gia P và Trần Văn T3 gây thiệt hại về tài sản cho chị M, vậy cần buộc những người này phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho chị M số tiền 2.820.000 đồng, cụ thể mỗi người phải bồi thường là 564.000 đồng. Nhưng được khấu trừ vào số tiền gia đình các bị cáo; gia đình người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đã tự nguyện bồi thường cho chị M: gia đình Trần Văn T3 đã bồi thường 600.000 đồng; gia đình bị cáo L đã bồi thường 600.000 đồng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K; gia đình bị cáo B đã bồi thường 600.000 đồng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K; Trị giá tài sản bị thiệt hại còn phải bồi thường tiếp là 1.020.000 đồng thì buộc các bị cáo P, N bồi thường.

Quá trình điều tra, chị Hà Thị L1, yêu cầu các bị cáo Phan Hoàng Gia P, Nguyễn Văn T phải bồi thường số tiền 7.000.000 đồng. Xét thấy hành vi phạm tội của các bị cáo P và T gây thiệt hại về tài sản cho chị L1, vậy cần buộc các bị cáo này phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho chị L1 số tiền 7.000.000 đồng, Cụ thể: bị cáo P bồi thường 3.500.000 đồng, bị cáo T bồi thường 3.500.000 đồng.

- Bà Đinh Thị H đã được gia đình bị cáo Dương Nghĩa N và gia đình Trần Văn T3 bồi thường xong, trong quá trình điều tra bà H không yêu cầu bồi thường thiệt hại gì thêm về tài sản nên không xem xét giải quyết.

- Để đảm bảo công tác thi hành án, tiếp tục tạm giữ số tiền 3.000.000 đồng mà bà Phạm Thị Trà M1 (mẹ đẻ bị cáo Phan Hoàng Gia P) đã nộp để bồi thường cho những người bị hại, theo Biên lai thu tiền số 16153 ngày 13/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

- Để đảm bảo công tác thi hành án, tiếp tục tạm giữ số tiền 600.000 đồng mà Đỗ Tấn L đã nộp để bồi thường cho chị Nguyễn Thị Sao M, theo Biên lai thu tiền số 16151 ngày 12/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

- Để đảm bảo công tác thi hành án, tiếp tục tạm giữ số tiền 1.800.000 đồng mà gia đình bị cáo Phan Thanh B đã nộp để bồi thường cho chị Nguyễn Thị Sao M 600.000 đồng. Theo Biên lai thu tiền số 16152 ngày 12/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

[7]. Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[8]. Về án phí: Các bị cáo Phan Hoàng Gia P, Dương Nghĩa N, Nguyễn Văn T, Phan Thanh B, Đỗ Tấn L mỗi người phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm, các bị cáo P, N, T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Dương Nghĩa N (Tên gọi khác: U), Phan Hoàng Gia P (Tên gọi khác: Y), Nguyễn Văn T (Tên gọi khác: X), Phan Thanh B (Tên gọi khác: U), Đỗ Tấn L (Tên gọi khác: C), phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, h, r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phan Hoàng Gia P (Tên gọi khác: Y) 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 29/3/2019.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Dương Nghĩa N (Tên gọi khác: U) 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ ngày 23/3/2019.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T (Tên gọi khác: X) 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 12/4/2019.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phan Thanh B (Tên gọi khác: U) 07 (Bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 19/3/2019.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Tấn L (Tên gọi khác: C) 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đỗ Tấn L (C) cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Bị cáo L (C) thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Các biện pháp tư pháp:

Căn cứ vào các Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 589 Bộ luật Dân sự.

- Buộc các bị cáo Dương Nghĩa N, Đỗ Tấn L, Phan Thanh B, Phan Hoàng Gia P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn T3 phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho chị Nguyễn Thị Sao M số tiền 2.820.000 đồng, cụ thể mỗi người phải bồi thường là 564.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền gia đình các bị cáo; gia đình người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đã tự nguyện bồi thường cho chị M: gia đình Trần Văn T3 đã bồi thường 600.000 đồng; gia đình bị cáo L đã bồi thường 600.000 đồng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K; gia đình bị cáo B đã bồi thường 600.000 đồng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Tổng cộng là 1.800.000 đồng; còn lại phải bồi thường tiếp là 1.020.000 đồng, thì buộc các bị cáo Phan Hoàng Gia P và Dương Nghĩa N phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho chị Nguyễn Thị Sao M, số tiền 1.020.000 đồng. Cụ thể: bị cáo P bồi thường: 510.000 đồng (*Năm trăm mười nghìn đồng*), bị cáo N bồi thường 510.000 đồng (*Năm trăm mười nghìn đồng*).

- Buộc các bị cáo Phan Hoàng Gia P, Nguyễn Văn T phải liên đới bồi thường cho chị Hà Thị L1, số tiền: 7.000.000 đồng. Cụ thể: bị cáo P bồi thường: 3.500.000 đồng (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*), bị cáo T bồi thường 3.500.000 đồng (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Trả lại cho bị cáo Phan Thanh B 1.200.000 đồng (*Một triệu hai trăm nghìn đồng*) trong số tiền 1.800.000 đồng mà bị cáo B đã nộp theo Biên lai thu tiền số 16152 ngày 12/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) mà bà Phạm Thị Trà M1 (mẹ đẻ bị cáo Phan Hoàng Gia P) đã nộp theo Biên lai thu tiền số 16153 ngày 13/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, để đảm bảo công tác thi hành án.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 600.000 đồng mà Đỗ Tấn L đã nộp để bồi thường cho chị Nguyễn Thị Sao M, theo Biên lai thu tiền số 16151 ngày 12/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, để đảm bảo công tác thi hành án.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Phan Hoàng Gia P, Dương Nghĩa N, Nguyễn Văn T, Phan Thanh B và Đỗ Tấn L mỗi người phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo P, N, T mỗi người phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng các bị cáo P, N, T mỗi người phải chịu 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*) tiền án phí.

Bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1- TANDTC;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Ana;
- Công an huyện Krông Ana;
- THA phạt tù (Để thi hành);
- Chi cục THADS huyện K;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Văn Đoàn